

Phụ lục số 1
TÌNH HÌNH NỢ TẠM ỨNG QUÁ HẠN ĐẾN 31/01/2024
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Công văn số /UBND-XD ngày /2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số nợ tạm ứng đến ngày 31/01/2024	Trong đó số dư nợ tạm ứng quá hạn đến ngày 31/01/2024	Nguyên nhân quá hạn							
				Nhóm dự án do chủ đầu tư/ban quản lý dự án giải thể	Nhóm dự án do Nhà thầu không còn hoạt động	Nhóm dự án do đình hoãn, không thực hiện	Vướng công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng				
							Tổng số	Trong đó			
								Người dân chưa nhận tiền bồi thường theo Phương án phê duyệt	Chưa hoàn thiện thủ tục hồ sơ thanh toán hoàn ứng bồi thường	Chi phí phục vụ bồi thường	Xây lắp, thiết bị, tư vấn, quản lý dự án, chi khác
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG	61.663,454	60.347,352	-	-	-	60.347,352	50.065,300	195,993	-	10.086,059
1	Khu dân cư phía Nam đường Hai Bà Trưng, thành phố Quảng Ngãi	18.556,831	18.556,831	-	-	-	18.556,831	18.556,831	-	-	-
2	Đường Chu Văn An và Khu dân cư (đoạn từ đường Ngô Sỹ Liên đến đường Hai Bà Trưng)	13.341,175	13.341,175	-	-	-	13.341,175	10.219,175	-	-	3.122,000
3	Khu hành chính tập trung thành phố Quảng Ngãi	1.086,989	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Khu đô thị mới phục vụ tái định cư Khu II Đê bao, thành phố Quảng Ngãi	28.332,817	28.332,812	-	-	-	28.332,812	21.172,760	195,993	-	6.964,059
5	Đường vào nhà máy xử lý rác Đồng Nà	345,642	116,534	-	-	-	116,534	116,534	-	-	-

Phụ lục số 2
TÌNH HÌNH NỢ TẠM ỨNG QUÁ HẠN ĐẾN 31/01/2024
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

(Kèm theo Công văn số /UBND-XD ngày / /2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị/dự án	Trong đó số dư nợ tạm ứng quá hạn đến ngày 31/01/2024	Nguyên nhân quá hạn							
			Nhóm dự án do BQLDA, CĐT giải thể, chưa xác định cụ thể chủ đầu tư	Nhóm dự án do Nhà thầu không còn hoạt động	Nhóm dự án do đình hoãn, xin dừng thực hiện, xin điều chỉnh	Vướng công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng				
						Tổng số	Trong đó:			
					Số tiền người dân có đất bị thu hồi không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt		Số tiền do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chưa hoàn thiện thủ tục hồ sơ thanh toán, chưa hoàn trả tạm ứng cho chủ đầu tư	Chi phí phục vụ bồi thường	Xây lắp, thiết bị, tư vấn, quản lý dự án, chi khác	
1	2	4=5+6+7+8	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG	20.020,116	-	134,240	-	19.885,876	18.543,840	-	-	1.342,036
1	KDC Chợ đầu mối nông sản, TP Quảng Ngãi	13,920				13,920	13,920			
2	KDC Đường Phan Đình Phùng TP Quảng Ngãi	462,845				462,845				462,845
3	Khu DV và DC phía bắc Gò Đá, p Lê Hồng Phong, TP Quảng Ngãi	984,191				984,191	105,000			879,191
4	Khu dân cư đường Trần Khánh Dư phục vụ tái định cư dự án Khu đô thị bờ Nam sông Trà Khúc, thành phố Quảng Ngãi (Giai đoạn 1).	6.104,000				6.104,000	6.104,000			
5	Công viên Tình Yêu	546,189				546,189	546,189			
6	Bồi thường, hỗ trợ với đất nông nghiệp, cây cối hoa màu thuộc dự án Khu tái định cư cho nhân dân trong vùng quy hoạch Khu công nghiệp Quảng Phú (giai đoạn 2)	74,604				74,604	74,604			
7	KDC dọc đường Lê Thánh Tôn	14,932				14,932	14,932			
8	.Đường Nguyễn Tự Tân	4,527				4,527	4,527			

STT	Đơn vị/dự án	Trong đó số dư nợ tạm ứng quá hạn đến ngày 31/01/2024	Nguyên nhân quá hạn								
			Nhóm dự án do BQLDA, CĐT giải thể, chưa xác định cụ thể chủ đầu tư	Nhóm dự án do Nhà thầu không còn hoạt động	Nhóm dự án do đình hoãn, xin dừng thực hiện, xin điều chỉnh	Vướng công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng					
						Tổng số	Trong đó:				
							Số tiền người dân có đất bị thu hồi không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Số tiền do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chưa hoàn thiện thủ tục hồ sơ thanh toán, chưa hoàn trả tạm ứng cho chủ đầu tư	Chi phí phục vụ bồi thường	Xây lắp, thiết bị, tư vấn, quản lý dự án, chi khác	
1	2	4=5+6+7+8	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	
9	Đường Lê Thánh Tôn, thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến Ngã tư Ba La).	6.114,064				6.114,064	6.114,064				
10	Đường Trương Quang Cận thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ đường Lê Đại Hành đến đường Lương Thế Vinh).	3.090,653				3.090,653	3.090,653				
11	Đường Trần Quý Hai (đoạn từ đường Ngô Sỹ Liên đến đường Hùng Vương)	1.004,438				1.004,438	1.004,438				
12	Đường Mạc Đĩnh Chi (đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Nguyễn Cư Trinh)	210,511				210,511	210,511				
13	Mở rộng nút giao thông Ngã 5 cũ, thành phố Quảng Ngãi	1.045,263				1.045,263	1.045,263				
14	Dãy nhà lớp học 12 phòng trường TH Nghĩa Chánh (CS1)	159,840				159,840	159,840				
15	Trường THCS Tịnh Thiện	134,240		134,240		-					
16	Xd mới nhà làm việc UBND xã Tịnh Kỳ (GD 1)	55,898				55,898	55,898				